



qí gān
旗杆

noun · flagpole

Example Sentences

qí gān shàng guà zhe yī miàn hóng qí
旗杆上挂着一面红旗。

A red flag is hanging on the flagpole.

xué xiào mén kǒu lì zhe yì gēn gāo gāo de qí gān
学校门口立着一根高高的旗杆。

A tall flagpole stands at the school gate.

Trace each character, then write the word on your own.

旗	旗	旗	旗	旗	旗	旗	旗	旗	旗	旗
旗	旗	旗	旗	旗	旗					
杆	杆	杆	杆	杆	杆	杆	杆	杆	杆	